

Đọc thành tiếng:		Giáo viên <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>	Phụ huynh <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>
Đọc thầm:			
Điểm đọc chung:			

[illegible]

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Viết chính tả (7 điểm)

GV đọc cho học sinh viết đoạn văn bản **“Chiếc giày của ông lão”**.

2. Bài tập (3 điểm)

Bài 1 (1 điểm): Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống:

Cây xanh làm cho không khí (**sạch/ xạch**)hơn và trái đất xanh hơn.

Chặt cây không mất bao nhiêu thời gian, nhưng để (**trồng/ chồ**ng)..... được cây lớn thì phải mất nhiều năm (**dò**ng/ **rò**ng)..... Hãy cùng nhau bảo vệ cây (**san**h/ **xan**h)....., trồng thêm cây xanh bạn nhé.

Bài 2 (1 điểm):

a) Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc để hoàn thiện câu:

(xanh ngắt, trong xanh, mênh mông, chín vàng)

Cánh đồng lúa rộng

b) Sắp xếp các từ trong ngoặc sau thành câu có nghĩa:

(qua, ô cửa sổ, tia nắng, chiều)

[illegible]

Bài 3 (1 điểm): Viết 2 câu về mẹ của em.

[illegible]

MÔ TẢ, PHÂN TÍCH VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Tiếng Việt – Lớp 1, Năm học: 2024 – 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

I. MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA

- Môn: Tiếng Việt
- Lớp: 1
- Năm học: 2024–2025
- Hình thức: Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II theo Thông tư 27
- Thời gian: 60 phút
- Cấu trúc đề gồm 2 phần:

1. Phần Đọc (10 điểm):

- Đọc thành tiếng (7 điểm)
- Đọc hiểu kết hợp kiến thức Tiếng Việt (3 điểm), gồm 4 câu hỏi: trắc nghiệm (câu 1, 2, 3), tự luận (câu 4: tìm tiếng có vần ưa)

2. Phần Viết (10 điểm):

- Viết chính tả: đoạn văn “Chiếc giày của ông lão” (7 điểm)
- Bài tập tiếng Việt (3 điểm) gồm 3 bài nhỏ:
 - + Bài 1: điền từ vào chỗ trống (0,25 điểm x 4)
 - + Bài 2: chọn từ ngữ thích hợp và sắp xếp từ thành câu (0,5 điểm x 2)
 - + Bài 3: viết 2 câu về mẹ (1 điểm)

II. PHÂN TÍCH ĐỀ KIỂM TRA

- Đề kiểm tra đảm bảo đánh giá toàn diện 2 kỹ năng: đọc và viết.
- Phần đọc gồm cả đọc thành tiếng và đọc hiểu; trong đó đọc hiểu kiểm tra khả năng nhận biết thông tin, hiểu nghĩa và vận dụng kiến thức tiếng Việt.
- Phần viết bao gồm viết chính tả – rèn luyện kỹ năng nghe – viết, trình bày, và bài tập tiếng Việt giúp học sinh sử dụng từ ngữ, đặt câu, viết đoạn ngắn.
- Các câu hỏi được thiết kế theo 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng phù hợp với năng lực học sinh lớp 1.
- Câu hỏi mang tính thực tiễn, gần gũi với cuộc sống, ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp lứa tuổi.
- Tỷ lệ điểm giữa các phần hợp lý (mỗi phần 10 điểm), trong đó nhấn mạnh thực hành đọc và viết.

III. Ma trận đề kiểm tra môn Tiếng Việt – Lớp 1 (Cuối HKII)

Mạch kiến thức, kĩ năng	Mức 1 (Nhận biết)	Mức 2 (Thông hiểu)	Mức 3 (Vận dụng)	Tổng
Đọc thành tiếng	7 điểm			7 điểm
Đọc hiểu + Tiếng Việt	1,5 điểm	1 điểm	0,5 điểm	3 điểm
Viết chính tả	7 điểm			7 điểm
Bài tập Tiếng Việt (Viết)	1 điểm	1 điểm	1 điểm	3 điểm
Tổng	16,5 điểm	2 điểm	1,5 điểm	20 điểm

- Điểm chung của môn Tiếng Việt bằng điểm trung bình cộng của điểm đọc và điểm viết.